

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

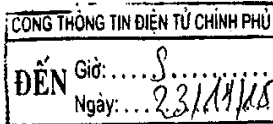
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40 /2015/QĐ-UBND

An Giang, ngày 17 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu
thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia
tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 184/2014/TT-BTC ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1199/TTr-STC ngày 21 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, Đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Báo An Giang, Đài PTTH An Giang;
- Website An Giang;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, P.TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vương Bình Thạnh

QUY CHẾ

**Phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong
Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2015/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh An Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp trong việc cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) và tài sản phục vụ công tác quản lý dự án (trụ sở làm việc của Ban quản lý dự án, xe ô tô các loại, các tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước) thuộc diện phải kê khai đăng ký vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu) trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Việc phối hợp nhằm sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu vào các mục đích:

a) Thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Đảm bảo công tác quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án được thực hiện công khai, minh bạch. Lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa, sử dụng, xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án; không xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi tài sản phục vụ công

tác của dự án đó chưa được đăng nhập vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị, tổ chức).

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả tỉnh, từng cấp và các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong Cơ sở dữ liệu.

Điều 4. Trách nhiệm các bên trong quan hệ phối hợp

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước của Bộ Tài chính cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong tỉnh;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các cơ quan, đơn vị, tổ chức vi phạm quy định trong việc lập báo cáo kê khai, nhập dữ liệu, duyệt dữ liệu, khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các Sở, Ban Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản) có trách nhiệm:

a) Xác nhận báo cáo kê khai của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổng hợp, báo cáo biến động của tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án theo đúng thời hạn quy định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án có trách nhiệm:

a) Lập báo cáo kê khai tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phối hợp trong việc lập, xác nhận Báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án vào Cơ sở dữ liệu

1. Hình thức báo cáo kê khai lần đầu:

a) Hình thức báo cáo kê khai lần đầu đối với tài sản nhà nước:

Cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản có trách nhiệm lập báo cáo kê khai đăng ký theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính; cụ thể như sau:

- Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN;

- Đối với xe ô tô các loại thực hiện kê khai theo Mẫu số 02-ĐK/TSNN;

- Đối với tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thực hiện kê khai theo Mẫu số 03-ĐK/TSNN;

b) Hình thức báo cáo kê khai lần đầu đối với tài sản phục vụ công tác quản lý dự án:

Ban quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là trụ sở làm việc của Ban quản lý dự án; xe ô tô các loại; các tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định trong cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm lập báo cáo kê khai đăng ký theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính; cụ thể như sau:

- Đối với trụ sở làm việc thực hiện kê khai theo Mẫu số 01a-ĐK/TSDA;

- Đối với xe ô tô các loại thực hiện kê khai theo Mẫu số 01b-ĐK/TSDA;

- Đối với các tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, xe ô tô các loại) đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định thực hiện kê khai theo Mẫu số 01c-ĐK/TSDA.

2. Trường hợp báo cáo kê khai bổ sung:

Khi có sự thay đổi về tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án do đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng, thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy hoặc bán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thay đổi mục đích sử dụng tài sản hoặc cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sát nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cơ quan, đơn vị, tổ chức có các thông tin thay đổi nêu trên lập báo cáo kê khai bổ sung trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

a) Trường hợp báo cáo kê khai bổ sung đối với tài sản nhà nước thực hiện theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính; cụ thể như sau:

- Những tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng tại sử dụng: thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN, Mẫu số 02-ĐK/TSNN, Mẫu số 03-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về đơn vị sử dụng tài sản thực hiện kê khai theo Mẫu số 04a-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện kê khai theo Mẫu số 04b-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về tài sản là xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 04c-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thực hiện kê khai theo Mẫu số 04d-ĐK/TSNN;

- Xóa thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu thực hiện kê khai theo Mẫu số 04đ-ĐK/TSNN.

b) Trường hợp báo cáo kê khai bổ sung đối với tài sản phục vụ công tác quản lý dự án theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính; cụ thể như sau:

- Đối với tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng sau khi đã thực hiện báo cáo kê khai lần đầu: thực hiện kê khai theo Mẫu số 01a-ĐK/TSDA, Mẫu số 01b-ĐK/TSDA, Mẫu số 01c-ĐK/TSDA;

- Thay đổi thông tin về tài sản là trụ sở làm việc thực hiện kê khai theo Mẫu số 02a-ĐK/TSDA;

- Thay đổi thông tin về tài sản là xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 02b-ĐK/TSDA;

- Thay đổi thông tin về tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, xe ô tô các loại) đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định thực hiện kê khai theo Mẫu số 02c-ĐK/TSDA;

- Xóa thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu thực hiện kê khai theo Mẫu số 03/TSDA.

3. Báo cáo kê khai đăng ký tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án được lập thành 03 bộ và kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan đến tài sản báo cáo kê khai, gồm: giấy tờ liên quan đến nhà, đất đang sử dụng (đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp); giấy đăng ký xe ô tô; biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định phục vụ công tác quản lý dự án); gửi 02 bộ đến cơ quan chủ quản, 01 bộ lưu tại cơ quan, đơn vị, tổ chức.

4. Cơ quan chủ quản (cấp huyện thông qua phòng Tài chính-Kế hoạch) thực hiện xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính, 01 bộ lưu tại cơ quan chủ quản.

5. Sở Tài chính thực hiện việc đăng ký tài sản vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước theo quy định.

Điều 6. Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả kê khai đăng ký tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

1. Sở Tài chính có trách nhiệm cập nhật, kiểm tra, đối chiếu số liệu đã nhập vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước với hồ sơ báo cáo kê khai của cơ quan, đơn vị, tổ chức.

2. Sau khi đối chiếu số liệu trong Cơ sở dữ liệu với hồ sơ báo cáo kê khai của cơ quan, đơn vị, tổ chức; Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) In và gửi “Phiếu xác nhận thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước” cho từng cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản để rà soát, kiểm tra và xác nhận về tính chính xác của số liệu đã đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu;

b) In và gửi thông tin về đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ hồ sơ địa chính đối chiếu, kiểm tra các thông tin có liên quan (*Trường hợp thông tin về đất của các cơ quan, đơn vị, tổ chức đã đúng và có đầy đủ giấy tờ theo quy định thì không phải gửi lấy ý kiến xác nhận*).

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận thông tin nêu trên và gửi về Sở Tài chính trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị.

Điều 7. Phối hợp trong công tác lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khi xây dựng kế hoạch mua sắm, đầu tư xây dựng phải trình kèm thông tin về hiện trạng và số lượng tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án hiện có trong Cơ sở dữ liệu hoặc các thông tin cần thiết khác, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khi xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án; trong quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước phân bổ hàng năm cho hoạt động này phải trình kèm theo “Phiếu xác nhận thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước” của tài sản từ thời điểm hình thành đến thời điểm lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hiện trạng và số lượng tài sản đã được trang bị của cơ quan, đơn vị, tổ chức đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu. Nếu cơ quan, đơn vị, tổ chức chưa kê khai đăng ký tài sản nhà nước (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản), tài sản phục vụ công tác quản lý dự án (trụ sở làm việc của Ban Quản lý dự án, xe ô tô các loại và tài sản cố định khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định) theo quy định; Sở Tài chính đề nghị cơ quan, đơn vị, tổ chức kê khai bổ sung đầy đủ trước khi thực hiện thẩm định dự toán. Không xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo sửa chữa tài sản đối với những cơ quan, đơn vị, tổ chức có tài sản phải đăng ký nhưng không thực hiện kê khai vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

4. Các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán sử dụng thông tin về tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án đã kê khai trong Cơ sở dữ liệu để làm cơ sở xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản.

5. Trường hợp số liệu trong Cơ sở dữ liệu không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra thì đề nghị cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án phải báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản và Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh

trong Cơ sở dữ liệu trước khi xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa tài sản.

6. Sở Tài chính có trách nhiệm cung cấp “Phiếu xác nhận thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước” khi cơ quan, đơn vị, tổ chức có yêu cầu.

Điều 8. Phối hợp trong công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

1. Cơ quan có thẩm quyền xét duyệt quyết toán (Sở Tài chính, phòng Tài chính - Kế hoạch) chỉ xem xét, thực hiện quyết toán đối với các tài sản thuộc đối tượng kê khai đăng ký sau khi tài sản đó đã được đăng ký vào Cơ sở dữ liệu.

2. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa Cơ sở dữ liệu với giá trị duyệt quyết toán; thì cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này gửi cơ quan chủ quản xác nhận và gửi Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu.

3. Sau khi có kết quả duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho cơ quan, đơn vị, tổ chức thụ hưởng tiếp tục theo dõi.

Điều 9. Phối hợp trong công tác xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

1. Đối với tài sản nhà nước: cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước khi đề nghị xử lý tài sản (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải kèm theo “Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý” theo Mẫu số 01-DM/TSNN, Mẫu số 02-DM/TSNN, Mẫu số 03-DM/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính, hoặc được in trực tiếp từ Cơ sở dữ liệu thông qua Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

2. Đối với tài sản phục vụ công tác quản lý dự án: cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản phục vụ công tác quản lý dự án có trách nhiệm kiểm kê tài sản và khi đề nghị xử lý tài sản (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải kèm theo “Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý” theo Mẫu số 04a-DM/TSDA, Mẫu số 04b-DM/TSDA, Mẫu số 04c-DM/TSDA; Biên bản kiểm kê tài sản thực hiện theo Mẫu số 05a/TSDA ban hành kèm Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính, hoặc được in trực tiếp từ Cơ sở dữ liệu thông qua Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

3. Sở Tài chính hướng dẫn thủ tục và có trách nhiệm cung cấp “Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý” từ Cơ sở dữ liệu khi cơ quan, đơn vị, tổ chức có yêu cầu.

Điều 10. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán được sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ về tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án in trực tiếp từ Cơ sở dữ liệu khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 11. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án

1. Hàng năm, cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có trách nhiệm lập, gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của năm trước đối với các tài sản quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ và tài sản phục vụ công tác quản lý dự án, gửi cơ quan chủ quản trực tiếp trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

2. Cơ quan chủ quản lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Tài chính trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

3. Sở Tài chính tổng hợp và dự thảo báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản phục vụ công tác quản lý dự án trên phạm vi toàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

4. Để đảm bảo số liệu báo cáo được thống nhất, Sở Tài chính thực hiện việc khóa toàn bộ số liệu tài sản thuộc phạm vi quản lý trong Cơ sở dữ liệu để báo cáo vào ngày 30 tháng 01 hàng năm. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức chưa nhập dữ liệu tăng, giảm tài sản của năm báo cáo vào Phần mềm phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 18 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và Điều 5, Điều 6 Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Các biểu mẫu kèm theo báo cáo phải được kết xuất từ Cơ sở dữ liệu.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt những nội dung của Quy chế này thì được khen thưởng. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm mà có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm triển khai, thực hiện những quy định tại Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thanh
Vương Bình Thạnh